

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2020

“ Về việc ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuấn và ông Vũ Duy Tuấn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp Hôn nhân - gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-DS, ngày 10/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quang K, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

HKTT: Thôn A, xã N, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Trần Quang K kết hôn vào ngày 08/8/1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Ninh Giang. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K nhiều lần xúc phạm và đánh đuổi chị, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có hạnh phúc gia đình, vì thế chị đã bỏ nhà đi làm ăn xa, sống ly thân với anh K từ tháng 7/2019 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Trần Đức Q, sinh ngày 21/8/2000 và Trần Thị Mai A, sinh ngày 18/3/2008. Đối với con chung Trần Đức Q đã trưởng thành nên không phải đặt ra việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Con chung Trần Thị Mai A chưa trưởng thành hiện nay do anh K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn do chị đang phải đi làm xa nhà nên đề nghị giao con Trần Thị Mai A cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Trần Quang K trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp, về lý do mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân theo như lời khai của chị H. Từ ngày 21/7/2019 cho đến nay chị H không về nhà, không quan tâm đến gia đình, chồng con. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, cho nên chị H xin ly hôn anh không nhất trí, tuy nhiên nếu không thể hòa giải đoàn tụ với nhau được nữa thì anh cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị H. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày. Quan điểm của anh không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn cố tình vắng mặt không tham gia hòa giải và xét xử vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Quang K. Về con chung: Giao con Trần Thị Mai A, sinh ngày 18/3/2008 cho anh Trần Quang K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12/2020 trở đi cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Sau khi thụ lý vụ án, anh K đã đến tòa án trình bày lời khai, sau đó vắng mặt không tham phiên gia hòa giải và xét xử vụ án. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Quang K có đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/1998, tại UBND xã N, huyện Ninh Giang, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh K chị H đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vì thế vợ chồng sống ly thân nhau từ ngày 21/7/2019 cho đến nay nhưng không có biện pháp nào hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh K

theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh K đều xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Đức Q, sinh ngày 21/8/2000 và Trần Thị Mai A, sinh ngày 18/3/2008. Xét thấy con chung Trần Đức Q đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng. Đối với con chung chưa thành niên Trần Thị Mai A đang ở cùng với anh K, có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bố, do vậy HĐXX giao con Trần Thị Mai A cho anh K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Trần Quang K.

2. *Về con chung:* Xử giao con Trần Thị Mai A, sinh ngày 18/3/2008 cho anh Trần Quang K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2020 trở đi cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp là 300.000 đồng, theo

biên lai thu số AA/2017/0009345, ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Chị Bùi Thị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- UBND xã N.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Xuân Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Xuân Trường